

Bản án số: 144/2020/DS-ST

Ngày: 09/6/2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc môn, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 601/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông V.Đ.C, sinh năm 1954

Địa chỉ: 24 H.V.T, Phường 9, quận P.N, Tp.Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: N.T.H, sinh năm 1975 (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2019)

Bị đơn: Ông N.V.B, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: 32/22A ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Tp.HCM

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà T.T.H, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 32/22A ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Tp.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà N.T.H trình bày:

Ngày 24/02/2011 ông V.Đ.C có cho ông N.V.B vay 08 lượng vàng SJC là vàng miếng SJC tổng cộng 8 cây vàng là 80 chỉ vàng với lãi suất 4%/tháng. Thời hạn vay 14 tháng. Việc vay vàng ông B có ký tên, vợ ông B không biết việc vay mượn trên.

Quá trình vay ông B chưa trả cho ông C tiền lãi và tiền vốn.

Nay ông C yêu cầu cá nhân ông B, trả lại số vàng đã vay và lãi suất tạm tính đến ngày xét xử 09/6/2020. Cụ thể như sau:

Thời gian vay: Từ ngày 24/02/2011 đến ngày 24/5/2020 là 111 tháng.

Giá vàng SJC ngân hàng Viettinbank mua vào ngày xét xử 09/6/2020 là 48.700.000 đồng/lượng.

Tiền nợ gốc: 08 lượng vàng SJC x 48.700.000 đồng = 389.600.000 đồng.

Tiền nợ lãi: 389.600.000 đồng x 4% x 111 tháng = 1.729.824.000 đồng.

Tổng tiền nợ gốc và lãi: 389.600.000 đồng + 1.729.824.000 đồng = 2.119.424.000 đồng.

Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn ông B trình bày:

Ông B thừa nhận có ký hợp đồng vay vàng ngày 24/02/2011 với ông C để vay 8 lượng vàng SJC, thời điểm ông C cho ông B vay là vàng miếng SJC tổng cộng 8 cây vàng là 80 chỉ vàng với lãi suất 4%/tháng. Ông B đã nhận đủ số vàng trên và phục vụ vào mục đích cá nhân. Thời hạn vay 14 tháng. Việc vay vàng vợ ông B không biết việc vay mượn trên.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu ông B trả ngay số tiền nợ gốc và lãi là 2.119.424.000 đồng thì ông B không đồng ý. Ông B đồng ý trả cho ông C tiền vốn 8 lượng vàng SJC, ông B đồng ý việc ông C quy đổi giá vàng SJC ngân hàng Viettinbank mua vào ngày xét xử 09/6/2020 là 48.700.000 đồng/lượng, tổng cộng là 389.600.000 đồng và sẽ hỗ trợ thêm tiền lãi cho ông C tổng cộng cả lãi và gốc là 600.000.000 đồng. Hiện tại ông gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Do ông không xoay sở kịp tiền trả ngay nên ông xin được trả dần số tiền trên trong 18 tháng.

Theo lời khai tại Tòa án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T.T.H trình bày:

Bà T.T.H không liên quan đến việc vay tiền, vàng của ông B, ông B không mang tiền vàng về nhà để phục vụ cho cuộc sống gia đình.

Các bên đương sự không có chứng cứ gì để cung cấp thêm cho Tòa; Các bên đương sự không có ý kiến hay yêu cầu gì khác và không thống nhất được việc giải quyết được toàn bộ nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa ông V.Đ.C và ông N.V.B là Hợp đồng vay tài sản được ký kết ngày 24/02/2011, đang thực hiện thì xảy ra tranh chấp nên căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của ông V.Đ.C, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ và có mặt tham gia phiên tòa theo đúng quy định.

Nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu không đưa vợ của ông B là T.T.H vào tham gia tố tụng do việc giao nhận tiền là cá nhân ông B thực hiện, đồng thời ông B xác định cá nhân ông sẽ trả tiền cho ông C nên Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề trên.

[4] Ông B thừa nhận có vay của ông C 08 lượng vàng, nay ông C yêu cầu ông B trả bằng tiền và ông B đồng ý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định hợp đồng vay trên là có thật.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy. Ông B thừa nhận có vay của ông C 8 lượng vàng SJC, được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá các bên cùng thống nhất tại thời điểm xét xử ngày 09/6/2020 là giá vàng SJC ngân hàng Viettinbank mua là 48.700.000 đồng/lượng, tổng cộng là 389.600.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 thì đến hạn trả, bên vay có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải chỉ trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Ông B đã vay của ông C 8 lượng vàng SJC tổng cộng là 389.600.000 đồng do đó ông C khởi kiện yêu cầu ông B có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền 389.600.000 đồng là có căn cứ.

[6] Xét yêu cầu ông B trả tiền lãi suất:

Căn cứ thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa Án nhân dân Tối cao, VKSND Tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có hướng dẫn có quy định và tính lãi suất vay vàng bằng mức lãi suất do NHNN quy định năm 1992, mức lãi suất cho vay đối với vàng tối đa là 7%/năm. Năm 2000, thống đốc NHNN Việt Nam đã hủy bỏ quyết định năm 1992 và cũng không quy định về mức lãi suất cho vay vàng. Đồng thời, Điều 476 BLDS năm 2005 quy định về lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do NHNN công bố đối với loại cho vay tương ứng... Nhưng từ thời điểm ban hành BLDS năm 2005 cho đến nay, NHNN Việt Nam cũng không có bất kỳ văn bản nào quy định về lãi suất cho vay vàng hay lãi suất cơ bản đối với vàng. Do vậy, không có cơ sở để áp dụng mức lãi suất vay vàng 7%/năm để xử lý tranh chấp.

Xét thấy giao dịch vay vàng giữa ông B và ông C xác lập năm 2011 do đó không có cơ sở để buộc phía ông B phải có nghĩa vụ trả lãi vay vàng nên không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất vay vàng của nguyên đơn là 1.729.824.000 đồng.

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông B xin trả cho ông C số tiền 600.000.000 đồng trong thời gian 18 tháng. Bao gồm tiền quy đổi từ 8 lượng vàng là 389.600.000 đồng và ông B tự nguyện hỗ trợ thêm 201.400.000 đồng. Tuy nhiên, bà H là người đại diện theo ủy quyền của ông không đồng ý.

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trả tiền của ông B nhưng việc ông B trả số tiền trên trong thời hạn 18 tháng là không có thiện chí, không tích cực khắc phục hậu quả gây thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của ông C. Do đó cần buộc ông B trả ngay số tiền trên khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông B phải chịu án phí là 19.480.000 đồng. Riêng số tiền 201.400.000 đồng ông B tự nguyện hỗ trợ ông B không chịu tiền án phí.

Ông C phải chịu quy định của pháp luật do một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 1.729.824.000 đồng, tuy nhiên do ông B là người cao tuổi (sinh năm 1954, năm nay 66 tuổi), ông C có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 13 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông C được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của ông V.Đ.C.

Buộc ông N.V.B phải trả cho ông V.Đ.C số tiền 389.600.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông N.V.B trả cho ông V.Đ.C số tiền 201.400.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải chịu theo quy định của pháp luật do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện số tiền 19.480.000 đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông C phải chịu quy định của pháp luật do một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 1.729.824.000 đồng, tuy nhiên do ông B là người cao tuổi (sinh năm 1954, năm nay 66 tuổi), ông C có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 13 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông C được miễn nộp tiền án phí.

[3] Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM
- VKSND H. Học Môn;
- Chi cục THADS H. Học Môn;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hồng Hải

